

Bản án số: 245/HS-PT
Ngày: 13-6-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Uyên Thy.

Các Thẩm phán: 1. Bà Đoàn Thị Hương Giang;
2. Bà Nguyễn Thị Bích Vân.

Thư ký phiên tòa: Nguyễn Huyền Trân - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Viễn Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 173/2022/HSPT ngày 22 tháng 04 năm 2022, đối với các bị cáo Phạm Thị Diệu A, Phạm Thị Bích B, Lê Thị Hồng C, Nguyễn Thị D, Trương Thị Ngọc E, Nguyễn Thị Gái F do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2022/HS-ST, ngày 09/3/2022 của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các bị cáo kháng cáo:

1. Phạm Thị Diệu A; sinh ngày: 23/3/1987; Tại: Tiền Giang; Thường trú: 91/17 Phạm Thế Hiển, Phường 2, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Văn Sao và bà: Nguyễn Phùng Bạch D; Có chồng và một con sinh năm 2017; Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị bắt, tạm giữ từ ngày 27/02/2021 đến ngày 01/3/2021 được Jy đổi bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

2. Phạm Thị Bích B; sinh ngày: 04/4/1953; Tại: Quảng Nam; Thường trú: 888/67/32 Lạc Long Quân, Phường 8, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: Căn hộ số B3-PH05 Chung cư Sài Gòn Airport Plaza, số 1 BD, Phường 2, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt

Nam; Con ông: Phạm W (chết) và bà: Trần Thị X (chết); Chồng: ông Vũ Ngọc Y (chết) và ba con (F nhất sinh năm 1976, nhỏ nhất sinh năm 1979); Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 19/3/2020 bị Phòng Cảnh sát hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc, đã nộp phạt ngày 20/3/2020.

Bị cáo tại ngoại, có mặt.

3. Lê Thị Hồng C; sinh ngày: 20/8/1979; Tại: Bến Tre; Thường trú: 79/58/4A THĐ, Phường 14, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: ấp PV, xã LT, huyện CD, tỉnh Q; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nữ; Tôn giáo: Thiên Chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Văn U (chết) và bà: Cao Thị Y V; Có chồng và 02 người con, F sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2004 (chết); Tiền sự: không; Tiền án: Ngày 24/9/2009 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 năm 11 tháng 20 ngày, về tội “Đánh bạc”, chưa nộp án phí và hình phạt bổ sung.

Bị cáo tại ngoại, có mặt.

4. Nguyễn Thị D; sinh ngày: 16/12/1968; Tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: 76/12 BH, Phường 13, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh; Tạm trú: 463 Tỉnh lộ 10, phường AL, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: làm công; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn T (chết) và bà: Võ Thị S (chết); Có chồng và một con sinh năm 1991; Tiền sự: không; Tiền án: Ngày 06/5/2016 bị Tòa án nhân dân huyện M xử phạt 01 năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 23/9/2016, chưa thi hành xong án phí và hình phạt bổ sung.

Bị cáo tại ngoại, có mặt.

5. Trương Thị Ngọc E; sinh ngày: 13/7/1980; Tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: 19 Lô M PVC, Phường 7, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh; Tạm trú: A5/12C tổ 15 ấp 1B, xã VL, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Hoa; Giới tính: nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trương Tô N (chết) và bà: Võ Thị Nhật O; Có chồng và 03 con, F nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2010; Tiền sự: không; Tiền án: Ngày 20/9/2012 bị Tòa án nhân dân huyện M xử phạt 10.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”, chưa thi hành hình phạt và án phí.

Bị cáo tại ngoại, có mặt

6. Nguyễn Thị Gái F; sinh ngày: 01/01/1971; Tại: Sóc Trăng; Thường trú: ấp D, xã TH, huyện Long Phú, tỉnh ST; Tạm trú: 29/1 Trần Jnh Mại, khu phố 3, phường TT, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn Q (chết) và bà: Trương Thị Rt; Không có

chồng con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Thị Bích B: Ông Bùi Ngọc Huy, là Luật sư của Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn một thành viên BNH thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị cáo Võ Tấn G, Đỗ Nguyễn Thùy H, Trần Thị Ngọc I, Lê Thị J, Trần Thị Bạch K, Nguyễn Jnh I không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập Jm gia phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 20 giờ 30 phút ngày 27/02/2021, Công an Quận 6 kết hợp cùng Công an Phường 14, Quận 6 bắt quả tang Võ Tấn G, Phạm Thị Diệu A đang hùn tiền để làm cái cho Đỗ Nguyễn Thùy H, Trần Thị Ngọc I, Nguyễn Thị D, Trương Thị Ngọc E, Phạm Thị Bích B, Nguyễn Thị Gái F, Lê Thị J, Trần Thị Bạch K, Lê Thị Hồng C, Nguyễn Jnh I đánh bài ăn tiền bằng hình thức chơi bài “xì zách” tại nhà của Ngô Thị Gái, số 79/48C16 Tân Hòa Đông, Phường 14, Quận 6 và đã thu giữ tại sòng bạc 07 bộ bài tây, 01 đĩa nhựa màu xanh có chữ VCP, 01 tấm nhựa và số tiền 2.600.000 đồng; thu giữ trong xô nhựa dùng để tiền xâu số tiền 2.050.000 đồng.

Thu giữ tại chỗ của Võ Tấn G số tiền 1.450.000 đồng, của Phạm Thị Diệu A 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone màu hồng và số tiền 3.400.000 đồng, của Đỗ Nguyễn Thùy H 01 chiếc điện thoại di động hiệu Itel màu xanh đen và số tiền 1.500.000 đồng, của Phạm Thị Bích B số tiền 1.700.000 đồng, của Lê Thị Hồng C 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung màu vàng và số tiền 1.700.000 đồng, của Nguyễn Thị D 01 chiếc điện thoại di động hiệu Oppo màu xanh và số tiền 7.900.000 đồng, của Trương Thị Ngọc E 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone màu hồng và số tiền 1.900.000 đồng, của Nguyễn Jnh I 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung màu đen (màn hình bị nứt) và số tiền 160.000 đồng, của Lê Thị J 01 chiếc điện thoại di động hiệu Mobell màu đỏ và số tiền 3.400.000 đồng, của Trần Thị Ngọc I 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia màu đen và số tiền 1.710.000 đồng, của Nguyễn Thị Gái F 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, của Trần Thị Bạch K 01 chiếc điện thoại di động hiệu Oppo màu đen và số tiền 3.600.000 đồng. Ngoài ra, Công an còn tạm giữ các đối tượng có mặt tại sòng bạc là Nguyễn Thị Hồng Trinh, Kim Hoài Tân, Diệp Thị Mót, Nguyễn Thị Xuân K và đã thu giữ của Tân 01 chiếc điện thoại di động hiệu Vivo màu xanh, của Mót 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia màu đen và số tiền 1.200.000 đồng, của K 01 chiếc điện thoại di động

hiệu Iphone màu đỏ và số tiền 800.000 đồng. Vụ việc được chuyển giao Cơ quan điều tra Công an Quận 6 giải quyết.

Tại Cơ quan điều tra, Võ Tấn G khai: Khoảng 16 giờ ngày 27/02/2021, Thành đến nhà của Ngô Thị Gái để trông coi sòng bài cho Gái với tiền công 200.000 đồng/ngày, nhưng do Gái không có ở nhà nên Thành ngồi đợi. Đến 20 giờ cùng ngày, thấy có nhiều người đến Jm gia đánh bạc, nhưng không có ai làm cái, nên Thành đứng ra làm cái chơi bài “xì zách” thắng thua bằng tiền.

Về cách thức đánh bài “xì zách”: Người cầm cái sử dụng bộ bài tây gồm 52 lá bài chia đều cho các tụ, mỗi tụ 02 lá bài, nếu tụ nào chưa đủ 16 nút thì rút thêm (quá 21 nút là quắc), Thành quy định mỗi tụ đặt thấp nhất 100.000 đồng, cao nhất 200.000 đồng. Nếu tụ nào có điểm cao hơn thì thắng người cầm cái, ngược lại thì người chơi phải chung tiền cho người cầm cái. Khi làm cái có Phạm Thị Diệu A hùn vốn với Thành mỗi ván 200.000 đồng. Thành đem theo 2.350.000 đồng để đánh bạc. Ván thứ nhất, Thành chia 12 tụ (kể cả tụ của cái) thua 300.000 đồng. Ván thứ hai Thành thua, nhưng chưa kịp chung tiền thì bị bắt. Lúc bị bắt, Công an thu giữ của Thành 600.000 đồng trên chiếu bạc và thu giữ trong người 1.450.000 đồng. Ngoài ra, Thành còn khai đến phụ Gái thu tiền xâu khoảng 10 ngày và được trả công mỗi ngày 200.000 đồng. Đến ngày 27/02/2021, Thành mới đứng làm cái.

Phạm Thị Diệu A khai: Khoảng 20 giờ ngày 27/02/2021, A đem theo 3.600.000 đồng đến sòng bạc của Ngô Thị Gái, nhưng chỉ lấy ra 400.000 đồng để đánh bạc. A hùn với Thành ván đầu 200.000 đồng để làm cái, nhưng chưa kịp đưa. Khi bị bắt, Công an thu giữ của A 200.000 đồng trên chiếu bạc. Số tiền còn lại 3.400.000 đồng A không dùng để đánh bạc.

Đỗ Nguyễn Thùy H khai: Khoảng 20 giờ ngày 27/02/2021, Dương đem theo 1.600.000 đồng, nhưng chỉ sử dụng 100.000 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt, Công an thu giữ của Dương 100.000 đồng trên chiếu bạc. Số tiền còn lại 1.500.000 đồng Dương không dùng để đánh bạc.

Trần Thị Ngọc I khai đem theo 1.950.000 đồng nhưng chỉ sử dụng 200.000 đồng đánh bạc. Ván đầu thắng 200.000 đồng (I trả tiền xâu 20.000 đồng, ăn uống hết 20.000 đồng). Tiếp tục đặt ván thứ hai 200.000 đồng thì bị bắt. Lúc bị bắt, Công an thu giữ của I 200.000 đồng trên chiếu bạc. Số tiền còn lại 1.710.000 đồng I không dùng để đánh bạc.

Nguyễn Thị Gái F khai đem theo 300.000 đồng để đánh bạc. F đặt ván đầu 200.000 đồng, nhưng chưa phân thắng thua thì đã bị bắt. Lúc bị bắt, Công an thu giữ của Gái F 200.000 đồng trên chiếu bạc, còn 100.000 đồng đã bị rút mất.

Trương Thị Ngọc E khai đem theo 2.500.000 đồng, nhưng chỉ sử dụng 600.000 đồng để đánh bạc và đã thua hết 600.000 đồng, còn lại 1.900.000 đồng, E không sử dụng vào việc đánh bạc.

Nguyễn Thị D khai đem theo 8.100.000 đồng, nhưng chỉ sử dụng 200.000 đồng để đánh bạc. D đặt ván thứ hai 200.000 đồng, nhưng chưa phân thắng thua

thì đã bị bắt. Lúc bị bắt, Công an thu giữ của D 200.000 đồng trên chiếu bạc. Còn lại 7.900.000 đồng là tiền cá nhân, D không sử dụng vào việc đánh bạc.

Phạm Thị Bích B khai đem theo 1.900.000 đồng, nhưng chỉ sử dụng 200.000 đồng để đánh bạc. Ván thứ nhất B đặt 100.000 đồng thua, ván thứ 2 B đặt tiếp 100.000 đồng nhưng chưa phân thắng thua thì đã bị bắt. Thu giữ tại chiếu bạc 100.000 đồng. Số tiền còn lại 1.700.000 đồng B không sử dụng để đánh bạc.

Lê Thị J khai đem theo 3.500.000 đồng, nhưng chỉ sử dụng 100.000 đồng để đánh bạc. Ván đầu J đặt 100.000 đồng thắng, ván thứ 2 J đặt tiếp 100.000 đồng, nhưng chưa phân thắng thua thì đã bị bắt. Lúc bị bắt, Công an thu giữ của J 100.000 đồng trên chiếu bạc. Còn lại 3.400.000 đồng là tiền cá nhân, J không sử dụng vào việc đánh bạc.

Trần Thị Bạch K khai đem theo 4.000.000 đồng, nhưng chỉ sử dụng 400.000 đồng để đánh bạc. Ván đầu K đặt 200.000 đồng thua, ván thứ 2 K tiếp tục đặt 200.000 đồng, chưa phân thắng thua thì đã bị bắt. Lúc bị bắt, Công an thu giữ của K 200.000 đồng trên chiếu bạc. Còn lại 3.600.000 đồng là tiền cá nhân, K không sử dụng vào việc đánh bạc.

Lê Thị Hồng C khai đem theo 2.000.000 đồng, nhưng chỉ sử dụng 300.000 đồng để đánh bạc. Ván thứ nhất C đặt 100.000 đồng thua, ván thứ 2 C đặt 200.000 đồng, chưa phân thắng thua thì đã bị bắt. Số tiền còn lại 1.700.000 đồng là tiền cá nhân, C khai không sử dụng để đánh bạc.

Nguyễn Jnh I khai đem theo 600.000 đồng. I đặt ván thứ nhất 200.000 đồng thì hòa, ván thứ hai I đặt 100.000 đồng, chưa phân thắng thua thì đã bị bắt và bị thu giữ trên chiếu bạc 100.000 đồng. Trong lúc bắt giữ, I làm rơi 400.000 đồng, còn lại 160.000 đồng I không dùng để đánh bạc.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 12/2022/HSST, ngày 09/3/2022 của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Diệu A 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, được trừ thời gian bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 27/02/2021 đến ngày 01/3/2021

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Bích B 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Hồng C 01 (một) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D 01 (một) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trương Thị Ngọc E 01 (một) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Gái F 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, tuyên nghĩa vụ nộp án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, vào các ngày 15/3/2022 và ngày 16/3/2022, các bị cáo Phạm Thị Diệu A, Phạm Thị Bích B, Lê Thị Hồng C, Nguyễn Thị D, Trương Thị Ngọc E, Nguyễn Thị Gái F kháng cáo xin được hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo khai nhận đã thực hiện những hành vi như bản án sơ thẩm đã nêu. Các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ.

Ngoài ra, bị cáo Phạm Thị Diệu A trình bày hiện bị cáo đang mang Ji và đang nuôi con nhỏ, nên bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo Phạm Thị Bích B trình bày hiện bị cáo F tuổi mắc nhiều bệnh, bị cáo đã nộp toàn bộ số tiền phạt mà cấp sơ thẩm đã tuyên, nên xin được hưởng án treo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Phạm Thị Bích B không tranh luận về tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo. Luật sư sau khi phân tích về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, về nhân thân, hoàn cảnh gia đình và các tình tiết giảm nhẹ, đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo một mức án dưới mức đề nghị của Viện kiểm sát và cho bị cáo được hưởng án treo nhằm thể tạo điều kiện cho bị cáo có thời gian chữa bệnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm xử lý vụ án như sau: Với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng

như lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm, nhận thấy bản án sơ thẩm đã tuyên là đúng người, đúng tội và mức án phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, xét bị cáo Phạm Thị Diệu A có hoàn cảnh gia đình khó khăn, hiện nuôi con nhỏ và đang mang Ji, có tài liệu kèm theo, nên đề nghị áp dụng điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo A. Bị cáo Phạm Thị Bích B sinh năm 1953 là người già, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo xuất trình bệnh án và biên lai nộp số tiền 15.000.000 đồng, nên đề nghị áp dụng điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo B. Các bị cáo Lê Thị Hồng C, Nguyễn Thị D, Trương Thị Ngọc E đều đã có tiền án, chưa được xóa án tích, Nguyễn Thị Gái F có nhân thân xấu, tại phiên tòa các bị cáo đều không có tình tiết nào mới. Xét thấy, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng Hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 12/2022/HS-ST ngày 09/3/2022 của Tòa án nhân dân Quận 6.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận và lời nói sau cùng các bị cáo đều trình bày hối hận về hành vi của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong hạn luật định phù hợp với quy định tại Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của các bị cáo tại giai đoạn sơ thẩm, phù hợp với các chứng cứ khác mà cơ quan điều tra thu thập được, có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ để xác định:

Vào lúc 20 giờ 30 phút ngày 27/02/2021, Công an Quận 6 kết hợp cùng Công an Phường 14, Quận 6 bắt quả tang Võ Tấn G, Phạm Thị Diệu A hùn tiền làm cái cho Đỗ Nguyễn Thùy H, Trần Thị Ngọc I, Nguyễn Thị D, Trương Thị Ngọc E, Phạm Thị Bích B, Nguyễn Thị Gái F, Lê Thị J, Trần Thị Bạch K, Lê Thị Hồng C, Nguyễn Jnh I đánh bài ăn tiền bằng hình thức chơi bài xì zách tại nhà của Ngô Thị Gái và thu giữ tại sòng bạc 07 bộ bài tây, 01 đĩa nhựa màu xanh có chữ VCP, 01 tấm nhựa và số tiền 2.600.000 đồng; thu giữ trong xô nhựa dùng để tiền xâu số tiền 2.050.000 đồng.

Phạm Thị Diệu A khai đem theo 3.600.000 đồng, nhưng chỉ lấy 400.000 đồng để đánh bạc. A hùn với Thành ván đầu 200.000 đồng để làm cái, nhưng

chưa kịp đưa. Khi bị bắt, Công an thu giữ của A 200.000 đồng trên chiếu bạc. Số tiền còn lại 3.400.000 đồng A không dùng đánh bạc.

Phạm Thị Bích B khai đem theo 1.900.000 đồng, nhưng chỉ sử dụng 200.000 đồng để đánh bạc. Ván thứ nhất B đặt 100.000 đồng thua, ván thứ 2 B đặt tiếp 100.000 đồng nhưng chưa phân thắng thua thì đã bị bắt. Thu giữ tại chiếu bạc 100.000 đồng. Số tiền còn lại 1.700.000 đồng B không sử dụng để đánh bạc.

Lê Thị Hồng C khai đem theo 2.000.000 đồng, nhưng chỉ sử dụng 300.000 đồng để đánh bạc. Ván thứ nhất C đặt 100.000 đồng thua, ván thứ 2 C đặt 200.000 đồng, chưa phân thắng thua thì đã bị bắt. Số tiền còn lại 1.700.000 đồng là tiền cá nhân, C khai không sử dụng để đánh bạc.

Nguyễn Thị D khai đem theo 8.100.000 đồng, nhưng chỉ sử dụng 200.000 đồng để đánh bạc. D đặt ván thứ hai 200.000 đồng, nhưng chưa phân thắng thua thì đã bị bắt. Lúc bị bắt, Công an thu giữ của D 200.000 đồng trên chiếu bạc. Còn lại 7.900.000 đồng là tiền cá nhân, D không sử dụng vào việc đánh bạc.

Trương Thị Ngọc E khai đem theo 2.500.000 đồng, nhưng chỉ sử dụng 600.000 đồng để đánh bạc và đã thua hết 600.000 đồng, còn lại 1.900.000 đồng, E không sử dụng vào việc đánh bạc.

Nguyễn Thị Gái F khai đem theo 300.000 đồng để đánh bạc. Gái F đặt ván đầu 200.000 đồng, nhưng chưa phân thắng thua thì đã bị bắt. Lúc bị bắt, Công an thu giữ của Gái F 200.000 đồng trên chiếu bạc, còn 100.000 đồng đã bị rút mất.

Như vậy, hành vi của các bị cáo Phạm Thị Diệu A, Phạm Thị Bích B, Lê Thị Hồng C, Nguyễn Thị D, Trương Thị Ngọc E và Nguyễn Thị Gái F đã phạm vào tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tòa án nhân dân Quận 6 xử phạt các bị cáo theo tội danh và điều luật trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

* Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo Phạm Thị Diệu A, Phạm Thị Bích B và Nguyễn Thị Gái F không có.

Các bị cáo Lê Thị Hồng C, Nguyễn Thị D, Trương Thị Ngọc E đều đã bị kết án về tội “Đánh bạc”, nay lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, là tái phạm thuộc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi năm 2017.

* Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Phan Thị Diệu A, Phạm Thị Bích B, Lê Thị Hồng C, Nguyễn Thị D, Trương Thị Ngọc E, Nguyễn Thị Gái F đều thành khẩn khai báo, nên khi lượng hình Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo là có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và phạm tội lần đầu để áp dụng điểm s

khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Về kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

Đối với bị cáo Phạm Thị Diệu A trình bày hiện bị cáo đang mang Ji và đang nuôi con nhỏ sinh năm 2017 (có nộp tài liệu kèm theo), nên được áp dụng thêm điểm n khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi năm 2017, giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

Đối với bị cáo Phạm Thị Bích B phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, mặc khác bị cáo là người cao tuổi (sinh năm 1953), đang mắc nhiều bệnh và tại phiên toà bị cáo trình bày đã nộp toàn bộ số tiền phạt theo bản án sơ thẩm đã tuyên là 15.000.000 đồng, do đó áp dụng điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi năm 2017, đối với bị cáo B. Xét bị cáo B có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, có nơi cư trú rõ ràng, nên Hội đồng xét xử thấy không cần thiết bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù, mà cho bị cáo được hưởng án treo với thời gian thử thách nhất định theo quy định tại điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo.

Đối với các bị cáo Lê Thị Hồng C, Nguyễn Thị D, Trương Thị Ngọc E đều đã có tiền án, chưa được xoá án tích, Nguyễn Thị Gái F có nhân thân xấu. Tại phiên toà hôm nay, các bị cáo cũng không cung cấp được tài liệu bổ sung nào khác. Xét thấy mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt đối với các bị cáo Lê Thị Hồng C, Nguyễn Thị D, Trương Thị Ngọc E, Nguyễn Thị Gái F là phù hợp, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Thị Hồng C, Nguyễn Thị D, Trương Thị Ngọc E, Nguyễn Thị Gái F.

Những nhận định trên cũng là căn cứ để chấp nhận một phần quan điểm của đại diện Viên kiểm sát và một phần lời bào chữa của Luật sư bào chữa cho bị cáo Phạm Thị Bích B tại phiên toà.

[5] Về án phí: Do chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Thị Diệu A và Phạm Thị Bích B nên các bị cáo A, B không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Các bị cáo không được chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Thị Hồng C, Nguyễn Thị D, Trương Thị Ngọc E, Nguyễn Thị Gái F phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c, đ khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Thị Diệu A, Phạm Thị Bích B.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Thị Hồng C, Nguyễn Thị D, Trương Thị Ngọc E, Nguyễn Thị Gái F.

Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 12/2022/HSST, ngày 09/3/2022 của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

1/ Xử phạt bị cáo **Phạm Thị Diệu A** 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, được trừ thời gian bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 27/02/2021 đến ngày 01/3/2021.

Buộc bị cáo Phạm Thị Diệu A phải nộp phạt 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng để sung vào ngân sách sách nhà nước.

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điều 17; Điều 58; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

2/ Xử phạt bị cáo **Phạm Thị Bích B** 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Bị cáo Phạm Thị Bích B phải nộp phạt 15.000.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước. Ghi nhận bị cáo đã nộp đủ theo biên lai thu tiền số AA/2021/0002405 ngày 10/6/2022 của Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Giao bị cáo Phạm Thị Bích B cho Ủy ban nhân dân Phường 2, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Phạm Thị Bích B Jy đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điều 17; Điều 58; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

3/ Xử phạt bị cáo **Lê Thị Hồng C** 01 (một) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Buộc bị cáo Lê Thị Hồng C phải nộp phạt 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng để sung vào ngân sách sách nhà nước.

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điều 17; Điều 58; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

4/ Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị D** 01 (một) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị D phải nộp phạt 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng để sung vào ngân sách sách nhà nước.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

5/ Xử phạt bị cáo **Trương Thị Ngọc E** 01 (một) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Buộc bị cáo Trương Thị Ngọc E phải nộp phạt 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng để sung vào ngân sách sách nhà nước.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

6/ Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Gái F** 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Gái F phải nộp phạt 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng để sung vào ngân sách sách nhà nước.

Các bị cáo Phạm Thị Diệu A và Phạm Thị Bích B không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Lê Thị Hồng C, Nguyễn Thị D, Trương Thị Ngọc E, Nguyễn Thị Gái F phải chịu án phí hình sự phúc thẩm, mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

(Đã giải thích chế định án treo đối với bị cáo Phạm Thị Bích B).

Nơi nhận:

- TANDTC; (1)
- TAND Cấp Cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM; (2)
- VKSND TP.HCM; (2)
- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- P.PV06 - CA TP.HCM; (1)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND Quận 6; (1)
- VKSND Quận 6; (1)
- Công an Quận 6; (1)
- Chi cục JDS Quận 6; (1)
- Bị cáo; (6)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu Tòa Hình sự, hồ sơ (30). (7)

Phạm Uyên Thy